

Thứ tự phép tính · Quy tắc chuyển vế

Họ và tên: _____

Ngày: _____

DẠNG 1. Tính giá trị biểu thức

Gợi ý: ngoặc trước; rồi lũy thừa → nhân, chia → cộng, trừ; cùng mức thì từ trái sang phải.

Bài 1. Tính.

a) $7,2 - 0,8 \cdot 3^2$

.....

.....

.....

b) $\frac{2}{5} : 4 \cdot 10$

.....

.....

.....

c) $(-3)^2 : 1,5 - 4$

.....

.....

.....

d) $\frac{1}{2} + \frac{3}{2} \cdot \left(\frac{1}{3} - 1\right)^2$

.....

.....

.....

.....

e) $20 - [(1,5 + 0,5)^3 - 3] \cdot 2$

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Bạn Lan tính: $12 - 4 : 2 \cdot 3 = 12 - 4 : 6 = 12 - \frac{2}{3} = \frac{34}{3}$. Lan làm đúng hay sai? Nếu sai, hãy sửa lại.

.....

.....

.....

Bài 3. Bạn Minh mua 3 quyển vở, mỗi quyển 8,5 nghìn đồng, và 2 cây bút, mỗi cây 6 nghìn đồng. Minh đưa 50 nghìn đồng. Viết một biểu thức tính số tiền được trả lại rồi tính.

.....

.....

.....

.....

DẠNG 2. Tìm x bằng quy tắc chuyển vế

Gợi ý: giữ x ở một vế; chuyển số hạng sang vế kia thì đổi dấu.

Bài 4. Tìm x, biết.

a) $x + 2,6 = 4,1$

.....

.....

b) $x - \frac{5}{8} = -\frac{1}{4}$

.....

.....

.....

c) $x + \frac{1}{3} = -\frac{1}{2}$

.....

.....

.....

d) $\frac{3}{4} - x = 1$

.....

.....

.....

e) $-1,2 - x = 0,8$

.....

.....

.....

Bài 5. Bạn Hùng giải: $x - 0,7 = 1,5$, suy ra $x = 1,5 - 0,7 = 0,8$. Hùng sai ở đâu? Hãy giải lại.

.....

.....

.....

DẠNG 3. Tìm x qua hai bước · bài toán thực tế

Gợi ý: tính trong ngoặc trước, chuyển vế các số hạng; số đang nhân với x thì chia.

Bài 6. Tìm x, biết.

a) $x + \left(\frac{1}{2} - \frac{2}{3}\right) = \frac{1}{3}$

.....

.....

.....

.....

b) $5x - 1,5 = 2$

.....

.....

.....

c) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$

.....

.....

.....

.....

d) $12 - 3x = 4,5$

.....

.....

.....

.....

Bài 7. Một cuộn dây dài 10 m. Cắt ra 6 đoạn dài bằng nhau thì cuộn còn thừa 1,6 m. Mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Buổi sáng nhiệt độ ngoài trời là x °C. Đến trưa nhiệt độ tăng thêm 5,5 °C, đến tối lại giảm 7 °C và còn 19 °C. Tìm x .

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ tự phép tính · Quy tắc chuyển vế

DẠNG 1. Tính giá trị biểu thức

Cách làm. Có ngoặc: làm trong ngoặc trước, theo thứ tự $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$. Không có ngoặc: lũy thừa $\rightarrow$ nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ. Chỉ có cộng, trừ hoặc chỉ có nhân, chia: làm từ trái sang phải.

Bài 1.

a) $= 7,2 - 0,8 \cdot 9 = 7,2 - 7,2$. Đáp án: 0

b) Chỉ có nhân, chia nên làm từ trái sang phải: $\frac{2}{5} : 4 = \frac{1}{10}$, rồi $\frac{1}{10} \cdot 10$. Đáp án: 1

c) $= 9 : 1,5 - 4 = 6 - 4$. Đáp án: 2

d) $= \frac{1}{2} + \frac{3}{2} \cdot \left(-\frac{2}{3}\right)^2 = \frac{1}{2} + \frac{3}{2} \cdot \frac{4}{9} = \frac{1}{2} + \frac{2}{3}$. Đáp án: $\frac{7}{6}$

e) $= 20 - [2^3 - 3] \cdot 2 = 20 - [8 - 3] \cdot 2 = 20 - 5 \cdot 2 = 20 - 10$. Đáp án: 10

Bài 2. Sai: nhân và chia đứng liền nhau phải làm từ trái sang phải, không được nhân $2 \cdot 3$ trước. Đúng: $12 - 4 : 2 \cdot 3 = 12 - 2 \cdot 3 = 12 - 6$.

Đáp án: 6

Bài 3. $50 - (3 \cdot 8,5 + 2 \cdot 6) = 50 - (25,5 + 12) = 50 - 37,5$. Đáp án: 12,5 nghìn đồng

DẠNG 2. Tìm x bằng quy tắc chuyển vế

Cách làm. Chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia thì đổi dấu: "+" thành "-", "-" thành "+". $a + b = c \Rightarrow a = c - b$; $a - b = c \Rightarrow a = c + b$. Nếu x đứng sau dấu trừ: chuyển $-x$ sang vế kia thành $+x$.

Bài 4.

a) $x = 4,1 - 2,6$. Đáp án: $x = 1,5$

b) $x = -\frac{1}{4} + \frac{5}{8} = -\frac{2}{8} + \frac{5}{8}$. Đáp án: $x = \frac{3}{8}$

c) $x = -\frac{1}{2} - \frac{1}{3} = -\frac{3}{6} - \frac{2}{6}$. Đáp án: $x = -\frac{5}{6}$

d) Chuyển $-x$ sang phải, 1 sang trái: $\frac{3}{4} - 1 = x$. Đáp án: $x = -\frac{1}{4}$

e) $-1,2 - 0,8 = x$. Đáp án: $x = -2$

Bài 5. Hùng quên đổi dấu: chuyển $-0,7$ sang vế phải phải thành $+0,7$. $x = 1,5 + 0,7$.

Đáp án: $x = 2,2$

DẠNG 3. Tìm x qua hai bước · bài toán thực tế

Cách làm. Tính gọn trong ngoặc trước. Chuyển vế các số hạng (đổi dấu) để còn $a \cdot x = b$. Số a đang nhân với x là thừa số: $x = b : a$ (không chuyển vế a). Bài toán thực tế: gọi đại lượng cần tìm là x , viết đẳng thức rồi tìm x , trả lời có đơn vị.

Bài 6.

a) $\frac{1}{2} - \frac{2}{3} = -\frac{1}{6}$, nên $x - \frac{1}{6} = \frac{1}{3}$, $x = \frac{1}{3} + \frac{1}{6} = \frac{3}{6}$. Đáp án: $x = \frac{1}{2}$

b) $5x = 2 + 1,5 = 3,5$, nên $x = 3,5 : 5$. Đáp án: $x = 0,7$

c) $\frac{2}{3}x = \frac{5}{6} - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$, nên $x = \frac{1}{3} : \frac{2}{3}$. Đáp án: $x = \frac{1}{2}$

d) $12 - 4,5 = 3x$, tức $3x = 7,5$, nên $x = 7,5 : 3$. Đáp án: $x = 2,5$

Bài 7. Gọi mỗi đoạn dài x m. Ta có $6x + 1,6 = 10$, nên $6x = 10 - 1,6 = 8,4$, $x = 8,4 : 6$.

Đáp án: $1,4$ m

Bài 8. $x + 5,5 - 7 = 19$, tức $x - 1,5 = 19$, nên $x = 19 + 1,5$. Đáp án: $x = 20,5$ °C